

Ngày	11,400 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	8.6%	-4.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	285
Số lượng CPLH (CP)	24,999,855
KLGD BQ 20 phiên (CP)	152,405
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.93
EPS	1,898
P/E	6.0

DT thuần

Q1/24

310

tỷ VNĐ

QoQ: ▼266| -46.3%

YoY: ▲ 96.0| 44.7%

LN trước thuế

Q1/24

8.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.1| -60.4%

YoY: ▲ 0.51| 6.3%

LN sau thuế

Q1/24

6.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.3| -60.3%

YoY: ▲ 0.53| 8.6%

ROA

2023

4.6%

+/- YoY: ▼ 4.6%

DT thuần

2023

1,433

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 418| 41.2%

LN trước thuế

2023

59.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼27.4| -31.5%

LN sau thuế

2023

45.8

tỷ VNĐ

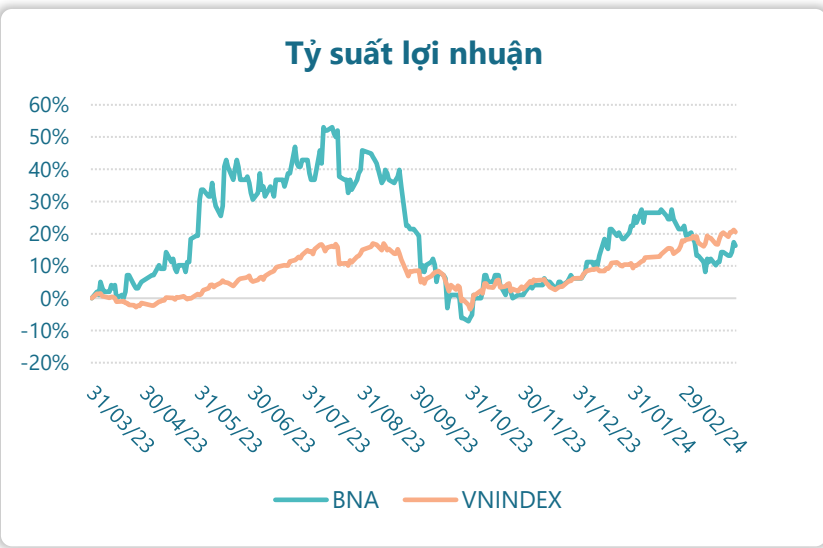
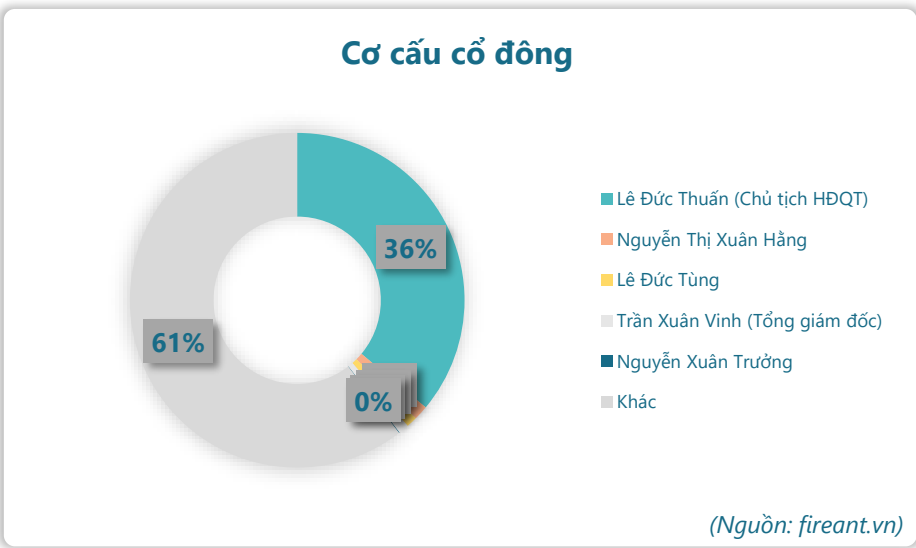
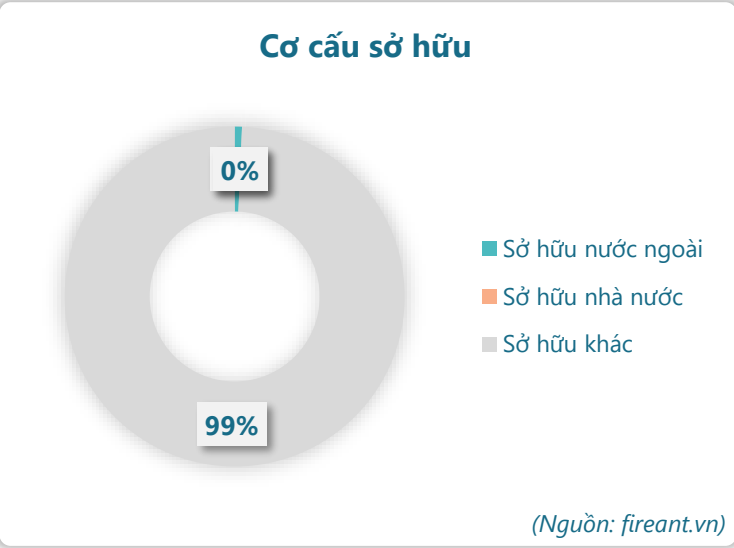
YoY: ▼23.3| -33.7%

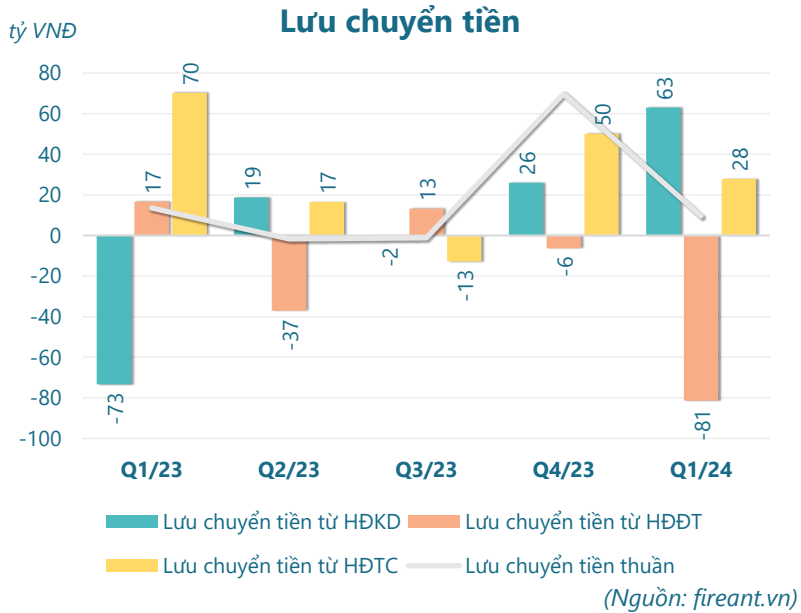
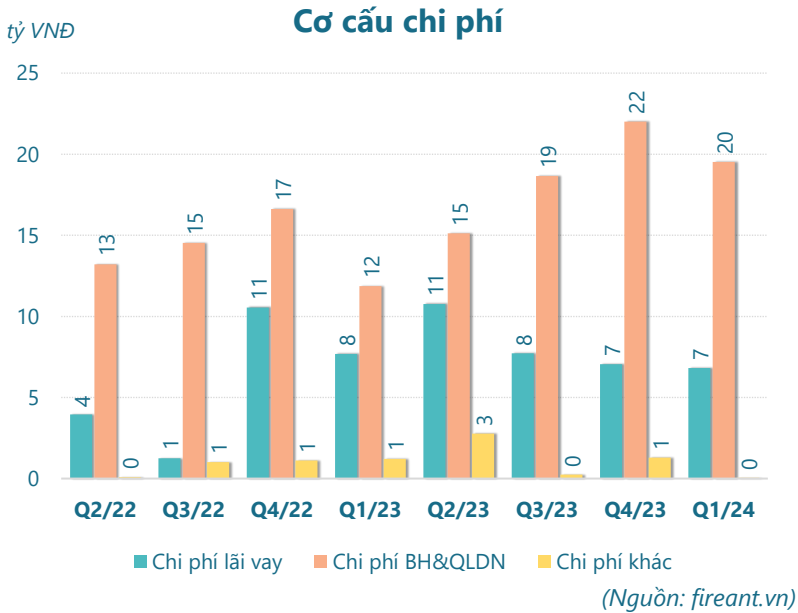
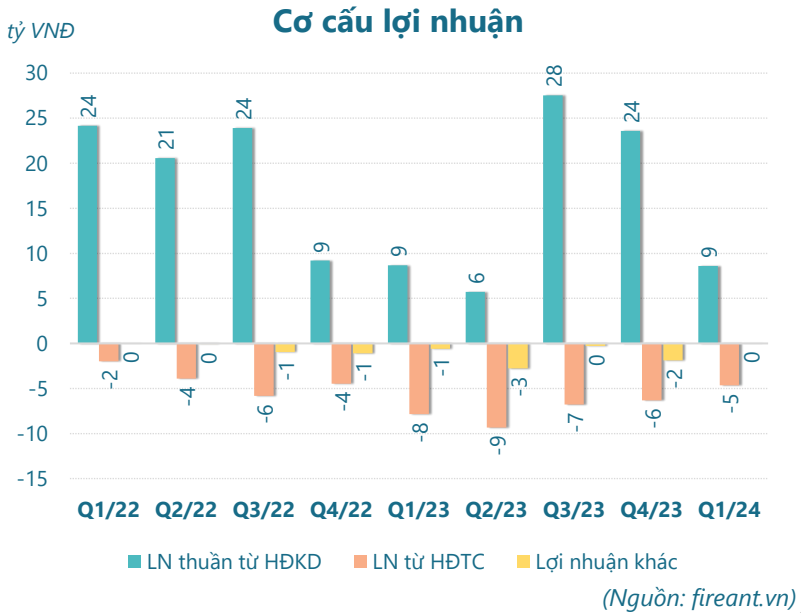
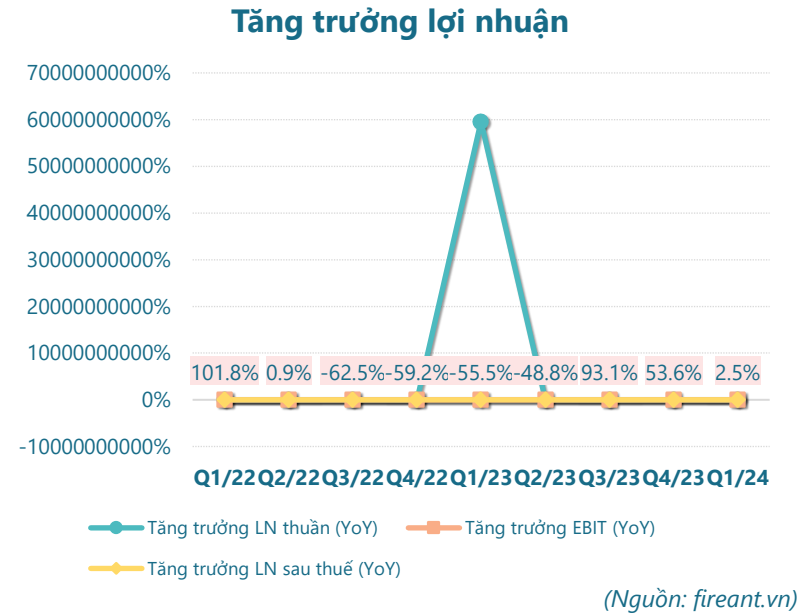
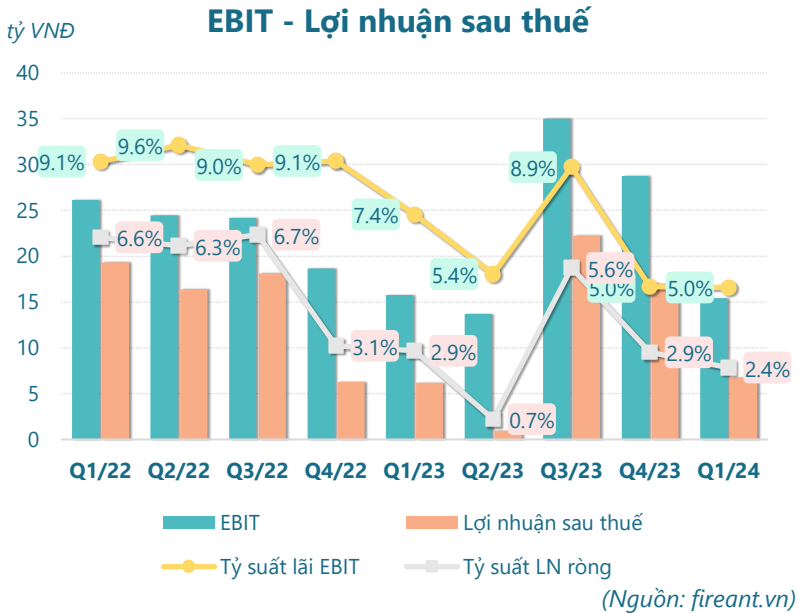
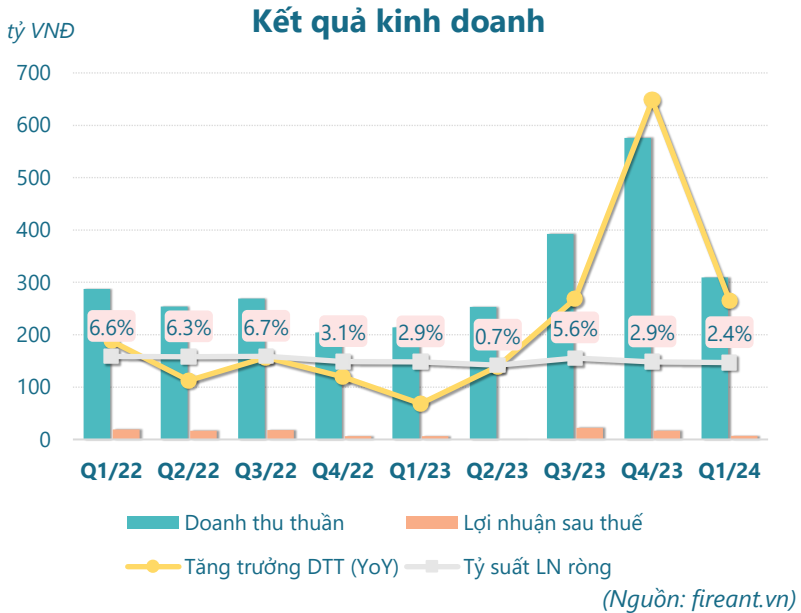
ROE

2023

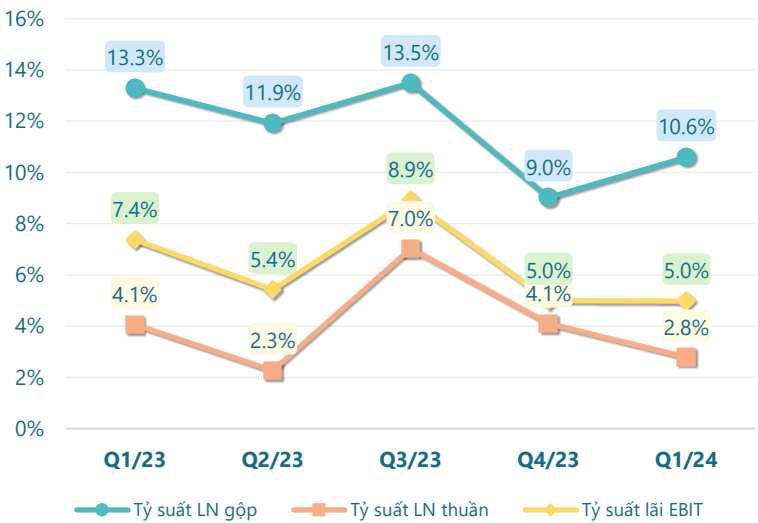
9.9%

+/- YoY: ▼ 6.9%



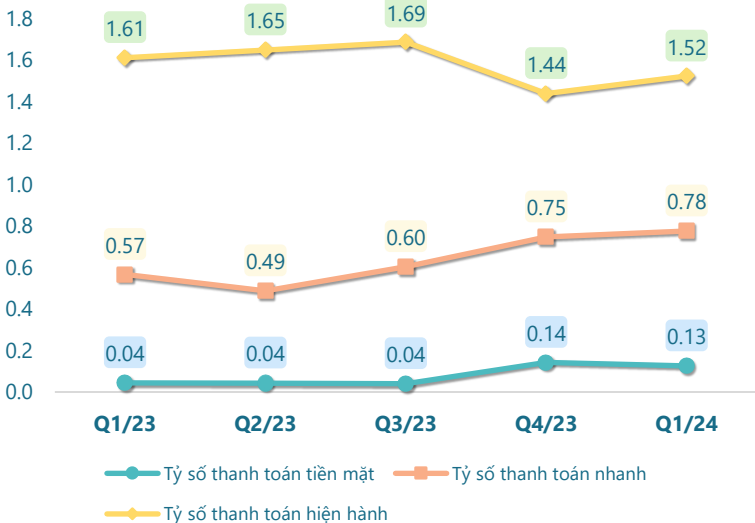


Tỷ suất lợi nhuận



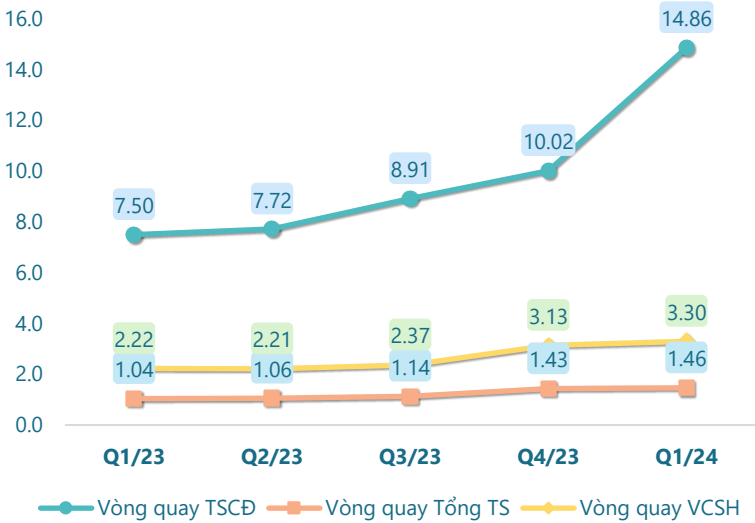
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



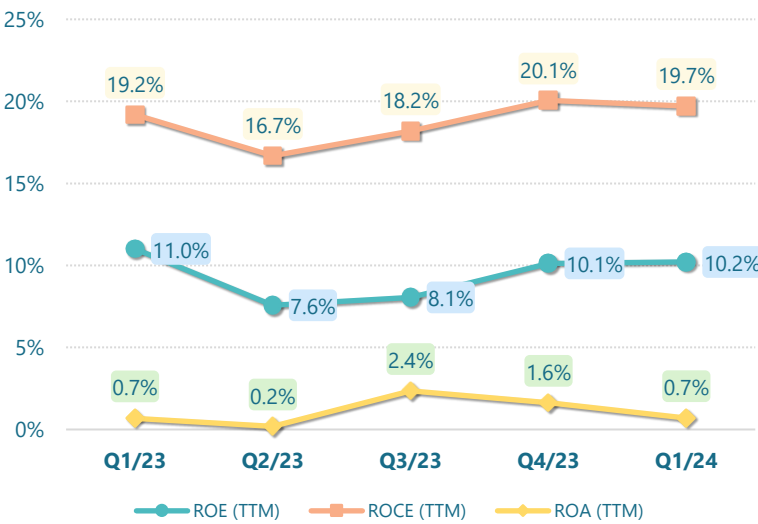
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



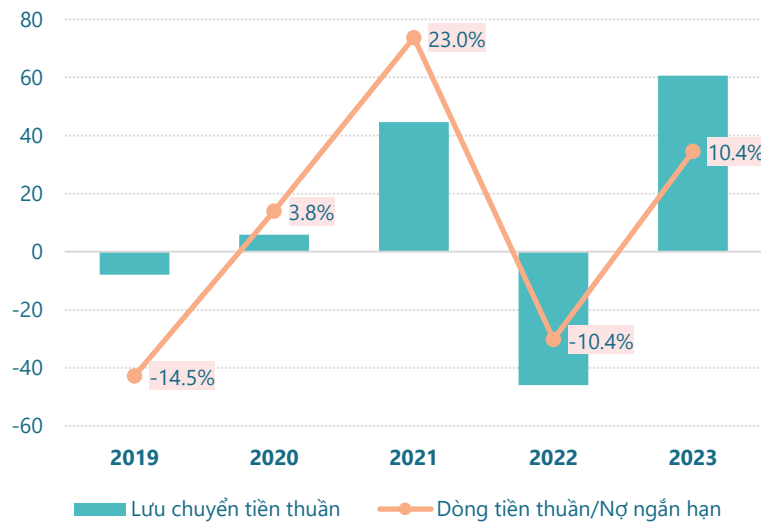
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



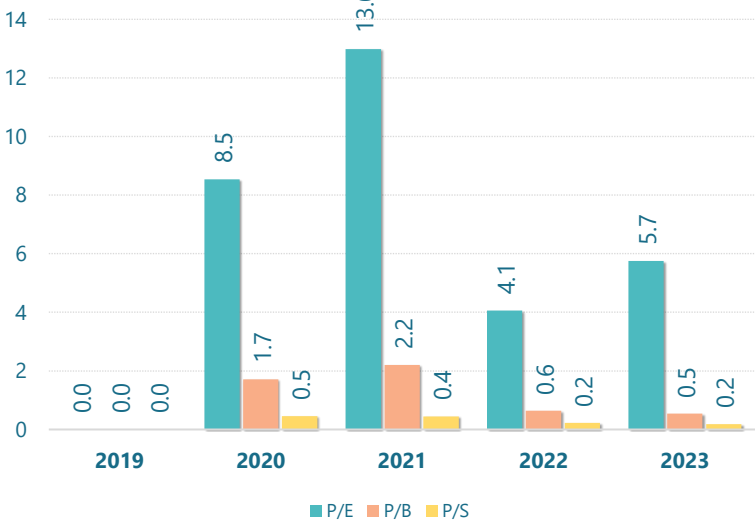
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)